

**CÔNG TY TNHH QUÀ TẶNG SÁNG TẠO MINH HIỀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUÀ TẶNG SÁNG TẠO MINH HIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH HIEN CREATIVE GIFTS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MINH HIEN CREATIVE GIFTS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110597974

**3. Ngày thành lập:** 11/01/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1, Xóm 2, Thôn Đan Tảo, Xã Tân Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944.595.969

Fax:

Email: [quatangsangtaomh@gmail.com](mailto:quatangsangtaomh@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Loại trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610        |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm. | 4649(Chính) |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Loại trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8230        |
| 5.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8292        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục sự cố máy tính, cài đặt phần mềm                                                                                                                                                                                                                                          | 6209        |
| 7.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6311        |
| 8.  | Quảng cáo<br>(Không bao gồm: quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 9.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)                                                                                                                                                                                                                                                               | 7320        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |

|     |                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(Trừ hoạt động của các phóng viên ảnh độc lập)                                          | 7420 |
| 12. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch      | 7490 |
| 13. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ những mặt hàng Nhà nước cấm)                                                         | 4690 |
| 14. | Sản xuất sợi                                                                                                   | 1311 |
| 15. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                          | 1312 |
| 16. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                        | 1313 |
| 17. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                         | 1392 |
| 18. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                       | 1393 |
| 19. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                              | 1394 |
| 20. | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                 | 1410 |
| 21. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                               | 1420 |
| 22. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                           | 1430 |
| 23. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                  | 1511 |
| 24. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                 | 1512 |
| 25. | Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quần gỗ                                                                                 | 1610 |
| 26. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                              | 1621 |
| 27. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                        | 1623 |
| 28. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                       | 1629 |
| 29. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                                                            | 1702 |
| 30. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                               | 1709 |
| 31. | In ấn<br>(trừ các loại hình Nhà nước cấm)                                                                      | 1811 |
| 32. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                       | 1812 |
| 33. | Sao chép bản ghi các loại<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                       | 1820 |
| 34. | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                    | 2310 |
| 35. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                   | 2592 |
| 36. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Loại trừ đầu giá)                                  | 4791 |
| 37. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ đầu giá)                                             | 4799 |
| 38. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                        | 8110 |
| 39. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu | 8219 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 40. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 41. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 42. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 43. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 44. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4761 |
| 45. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 46. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐỖ BÁ HÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001078001903

Ngày cấp: 04/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1, Xóm 2, Thôn Đan Tảo, Xã Tân Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1, Xóm 2, Thôn Đan Tảo, Xã Tân Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐỖ BÁ HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001078001903

Ngày cấp: 04/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1, Xóm 2, Thôn Đan Tảo, Xã Tân Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1, Xóm 2, Thôn Đan Tảo, Xã Tân Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

Thời gian đăng từ ngày 12/01/2024 đến ngày 11/02/2024

